

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 22-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu và ông Nguyễn Hoàng Thám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Phan Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Lương Thị Hương
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 192/2025/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Phú nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15-An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2025/QĐXXPT-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2004

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã N, tỉnh An Giang. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1994

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ A, ấp B, xã N, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã N, tỉnh An Giang.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh A (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Mai L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã N, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã N, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N và bị đơn ông Nguyễn Hoàng G

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N trình bày:* Bà và ông Nguyễn Hoàng G do cha mẹ định đoạt tiến đến hôn nhân vào năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95, ngày 26/9/2024. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Giang Đ làm đêm thường xuyên, không dành thời gian cho bà, khi hỏi thì ông G viện cớ không biết là đi đâu, làm gì, thậm chí bà N còn lo sợ việc ông G có liên quan trong vụ án hình sự đang được điều tra. Ngoài ra số nữ trang cưới bà cất giữ trong tủ cá nhân cũng có dấu hiệu cạy (mở) ra nên bà không tin tưởng. Bà và ông G ly thân từ ngày 21/12/2024 âm lịch đến nay, trong thời gian ly thân ông G và gia đình bỏ mặt, không hàn gắn. Từ những lý do trên bà N thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà và ông G không có con chung.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới bà và ông G được mẹ chồng là bà Đỗ Thị Mai L cho 3,1 lượng (31 chỉ) vàng 24K, 01 lượng (10 chỉ) vàng 18K, 01 đôi bông hột xoàn (giá trị 26.000.000đ) và 60.000.000đ. Quá trình hòa giải tại Tòa, bà N xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tài sản chung gồm 03 lượng (30 chỉ) vàng 24K, 01 lượng (10 chỉ) vàng 18K và 01 đôi bông hột xoàn.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ông Nguyễn Hoàng G trình bày:* Ông và bà N do mai mối, cả hai có tìm hiểu khoảng 02 (hai) tuần mới tiến tới hôn nhân. Ông luôn dành thời gian quan tâm bà N, việc ông đi làm đêm là không có. Bà N ở nhà thường xuyên sử dụng điện thoại, các công việc gia đình đều do mẹ ông làm, bà N cũng hay về nhà mẹ ruột để phụ giúp. Ông đã nhiều lần năn nỉ bà N để hàn gắn nhưng do sự tác động của người khác nên bà N cương quyết ly hôn. Ông và bà N ly thân từ ngày 21/12/2024 âm lịch cho đến nay, không hàn gắn được do bà N xóa hết liên lạc, chặn cuộc gọi của ông. Ông còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N không có con chung.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới mẹ ông có cho các tài sản gồm: 03 lượng vàng 24K, 01 lượng vàng 18K, 01 đôi bông hột xoàn (giá trị 26.000.000đ). Riêng 01 chỉ vàng 24K là của mẹ ông bà Đỗ Thị Mai L; số tiền mặt 60.000.000đ là do

mẹ ông cho riêng bản thân ông để làm vốn. Bà N yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung gồm 03 lượng vàng 24K, 01 lượng vàng 18K, 01 đôi bông hột xoàn thì ông không đồng ý, do bà N tự bỏ đi và có nói là trả vàng lại để gia đình ông cưới vợ khác. Số nữ trang khi bà N đi thì giao lại cho bà L quản lý, sau đó bà L đã giao lại toàn bộ cho ông quản lý và ông đã bán tất cả để trả các chủ nợ và tiêu xài cá nhân.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Đỗ Thị Mai L trình bày:* Số vàng bà cho trong ngày cưới thì do bà N cất giữ gồm 03 lượng vàng 24K, 01 lượng 18K và 01 bông hột xoàn (giá trị 26.000.000đ) và tiền mặt khi bà N đi để lại khoảng 32.000.000 đ. Bà không đồng ý việc bà N yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung bởi do gia đình bên N tự dắt con về nói trả vàng lại để gia đình cưới vợ khác cho G, ngày nào N cũng về nhà cha mẹ ruột từ 6 giờ sáng - đến 10, 11 giờ sáng nhưng bà không nói gì. N đi thì bà là người quản lý tiền, vàng nhưng sau đó đã giao lại toàn bộ cho G, việc G bán và trả nợ như thế nào thì bà không biết.

** Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 192/2025/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Phú nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15-An Giang đã quyết định:*

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến N về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng G chia tài sản chung gồm 01 (một) chỉ vàng 24K và số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng G.

Về tài sản chung: Trong 03 lượng (30 chỉ) vàng 24K, 01 lượng vàng (10 chỉ) 18K và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 26.000.000đ. Ông Nguyễn Hoàng G được quyền sở hữu 1,8 lượng (18 chỉ) vàng 24K, 06 chỉ vàng 18K và 15.600.000đ (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Hoàng G phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Yến N 1,2 lượng (12 chỉ) vàng 24K, 04 chỉ vàng 18K và 10.400.000đ (mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

+ Ngày 13/6/2025, bà Nguyễn Thị Yến N có đơn kháng cáo đối với đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 192/2025/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Phú nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15-An Giang, nội dung yêu cầu: Không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm, yêu cầu chia đôi phần tài sản cho trong

ngày cưới gồm 03 lượng vàng 24K, 01 lượng vàng 18K, 01 đôi bông hột xoàn trị giá 26.000.000đ

+ Ngày 16/6/2025, ông Nguyễn Hoàng G có đơn kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 192/2025/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện An Phú nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15-An Giang, nội dung yêu cầu: Không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm xem xét không chia tài sản cho bà N theo bản án sơ thẩm

* Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa

+ Ông Nguyễn Hoàng G tại biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2025, do Tòa án nhân dân tỉnh An Giang lập, thể hiện nội dung: Ông G xác định ông chỉ kháng cáo đối với phần tài sản chung là số vàng cưới ông không đồng ý chia tài sản chung cho bà N. Trường hợp chia tài sản chung thì ông G chỉ đồng ý chia tài sản chung cho bà N 2 đến 3 phần theo tỷ lệ 2/8 hoặc 7/3, ông G cũng có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mai L vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Yến N và ông Nguyễn Hoàng G, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 192/2025/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện An Phú nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15-An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N, ông Nguyễn Hoàng G kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà N rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo sau đó bà N có ý kiến thay đổi xác định vẫn còn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2025, nên xác định bà N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo yêu cầu chia yêu cầu chia đôi phần tài sản cho trong ngày cưới gồm 03 lượng vàng 24K, 01 lượng vàng 18K, 01 đôi bông hột xoàn trị giá 26.000.000 đồng

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng G hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh A, được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thực hiện lấy lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2025, ông G xác định giữ yêu cầu kháng cáo

Cả nguyên đơn, bị đơn đều không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới

[1.4] Nguyên đơn bà N, bị đơn ông G có yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng bà L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 238, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Yên N, ông Nguyễn Hoàng G, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Giữa bà Nguyễn Thị Yên N với ông Nguyễn Hoàng G thống nhất về quan hệ hôn nhân do mai mối nhưng cả hai có tìm hiểu, về thời gian kết hôn, bà N và ông G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95, ngày 26/9/2024. Bà N và ông G thống nhất từ ngày 21/12/2024 cả hai sống ly thân, các bên đều xác định về quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn nên cấp sơ thẩm chấp nhận cho bà N và ông G ly hôn.

[2.2] Về con chung, về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân bà N, ông G đều trình bày và thống nhất không có con chung, không có nợ chung cũng như không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết

[2.3] Đối với nội dung về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung các đương sự thống nhất không có kháng cáo nên đối với quan hệ hôn nhân, về con chung và về nợ chung có hiệu lực Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung bà N và ông G kháng cáo yêu cầu xem xét, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong ngày cưới bà N và ông G có ý kiến trình bày được mẹ chồng là bà Đỗ Thị Mai L cho 3,1 lượng (31 chỉ) vàng 24K, 01 lượng (10 chỉ) vàng 18K, 01 đôi bông hột xoàn (giá trị 26.000.000 đồng) và 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tài sản chung gồm 03 lượng (30 chỉ) vàng 24K, 01 lượng (10 chỉ) vàng 18K và 01 đôi bông hột xoàn.

[3.1] Đối với yêu cầu chia tài sản của bà N thì ông G không đồng ý, lý do ông G cho rằng bà N tự bỏ đi nói là trả vàng lại để gia đình ông cưới vợ khác, cũng như bà N có hỏi mượn tiền của ông G và mẹ ông G nhiều lần gần bằng giá trị của số vàng cưới nhưng hiện nay bà N vẫn yêu cầu chia tài sản chung $\frac{1}{2}$ số vàng cưới thì ông không đồng ý.

[3.2] Ông G xác định số nữ trang khi bà N đi đã giao lại cho bà L quản lý, sau đó bà L đã giao lại toàn bộ số nữ trang này cho ông G quản lý và ông G thừa nhận tự ông đã đem bán hết số nữ trang để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2025, ông G cũng xác định số vàng được mẹ ông là bà L giao lại ông đã bán trả nợ riêng của ông nên cấp sơ thẩm buộc ông G là người có trách nhiệm giao lại cho bà N là phù hợp.

[3.3] Hội đồng xét xử nhận thấy số vàng 03 lượng vàng 24K, 01 lượng vàng 18K và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 26.000.000 đồng được bà N, ông G, bà L cùng thống nhất đây là số vàng được bà L cho trong ngày cưới. Tuy nhiên, ông G có trình bày cho rằng số vàng được ông G mượn nợ mua khi làm đám cưới nhưng ông G cũng khẳng định tự ông mượn nợ không có biên nhận hay chứng cứ, bản thân bà N không hề biết việc vay mượn này do ông G mượn trước khi cưới bà N cho thấy lời khai nại của ông G không có cơ sở xem xét.

[3.4] Đối với số vàng được cho trong ngày cưới ông G cũng thừa nhận đây tài sản được tặng cho nên xác định đây là tài sản chung theo khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp. Lý do ông G đưa ra bà N tự ý bỏ đi và đã trả vàng lại để ông cưới vợ khác không phải là căn cứ để không chia tài sản chung cho bà N, cũng như việc ông G tự lấy tài sản chung bán trả nợ cá nhân không có sự đồng ý của bà N nên ông G phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà N là có căn cứ

[4] Cấp sơ thẩm có đánh giá và xem xét nguồn tiền mua số nữ trang tặng cho ông G, bà N là của gia đình ông G nên về tiền, công sức của bà N tạo lập được số tài sản này là không có nên cấp sơ thẩm chia cho ông G hưởng 60% giá trị, phần bà N hưởng 40% giá trị tài sản là phù hợp. Vì vậy, ông G được chia 1,8 lượng (18 chỉ) vàng 24K, 06 chỉ vàng 18K và 15.600.000 đồng; bà N hưởng 1,2 lượng (12 chỉ) vàng 24K, 04 chỉ vàng 18K và 10.400.000 đồng là phù hợp

[5] Nguyên đơn bà N và bị đơn ông G kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, ông G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và ông G.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do, yêu cầu kháng cáo của bà N, ông G không được chấp nhận nên bà N, ông G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Yên N yêu cầu xem xét chia đôi phần tài sản cho trong ngày cưới gồm 03 lượng vàng 24K, 01 lượng vàng 18K, 01 đôi bông hột xoàn trị giá 26.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng G về việc ông không đồng ý chia tài sản chung cho trong ngày cưới cho bà N theo bản án sơ thẩm.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 192/2025/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Phú nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15-An Giang;

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yên N về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng G chia tài sản chung gồm 01 (một) chỉ vàng 24K và số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yên N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yên N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng G.

- Về tài sản chung: Trong 03 lượng (30 chỉ) vàng 24K, 01 lượng vàng (10 chỉ) 18K và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 26.000.000 đồng. Ông Nguyễn Hoàng G được quyền sở hữu 1,8 lượng (18 chỉ) vàng 24K, 06 chỉ vàng 18K và 15.600.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Buộc ông Nguyễn Hoàng G phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Yên N 1,2 lượng (12 chỉ) vàng 24K, 04 chỉ vàng 18K và 10.400.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Yên N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 8.250.000 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí chia tài sản chung, tổng cộng 8.550.000 đồng (*Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 5.242.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số: 0010287 ngày 13/02/2025, bà N nộp thêm 3.308.000 đồng (*Ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Hoàng G phải chịu 12.375.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí chia tài sản chung.

(*Căn cứ tính án phí dựa theo giá vàng ngày 02/6/2025 của Công ty T, địa chỉ: A tỉnh lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó 01 (một) chỉ vàng 24K giá 10.650.000 đồng, 01 (một) chỉ vàng 18K giá 6.700.000 đồng*).

3.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Yên N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016096 ngày ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15-An Giang. Bà N đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông G đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0016097 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15-An Giang. Ông G đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,

7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa Dân sự;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- TAND Khu vực 15-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 15-An Giang;
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Ngọc Thúy